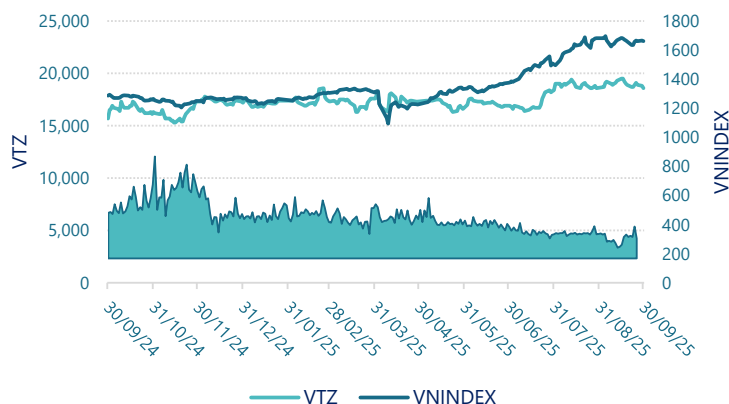


CTCP Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành (HNX: VTZ)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,300
SL cổ phiếu LH	76,159,833
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,786,200
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,417
P/E	22.7
EPS	820

DT thuần

Q3/25

1,198

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00 | 0.0%

YoY: ▲ 323 | 36.9%

LN sau thuế

Q3/25

10.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼11.8 | -54.0%

YoY: ▼10.9 | -52.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

4.1%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

9T 2025

3,507

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 881 | 33.6%

LN sau thuế

9T 2025

47.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.30 | 2.7%

ROE

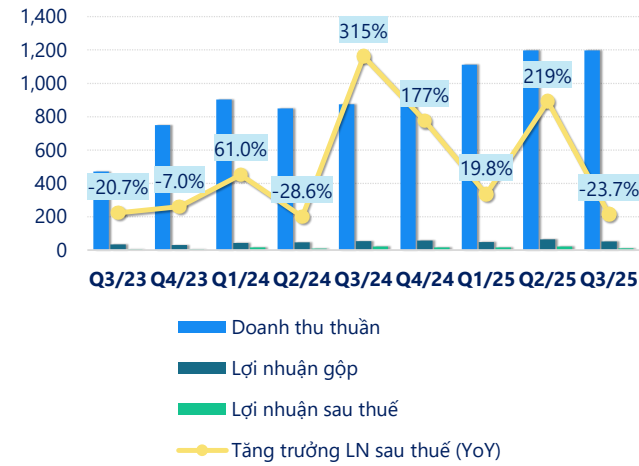
Q3/25

9.0%

+/- YoY: ▼ 1.1%

tỷ VNĐ

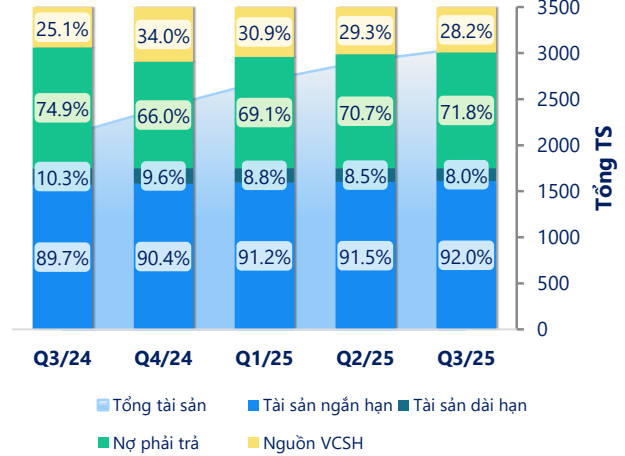
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

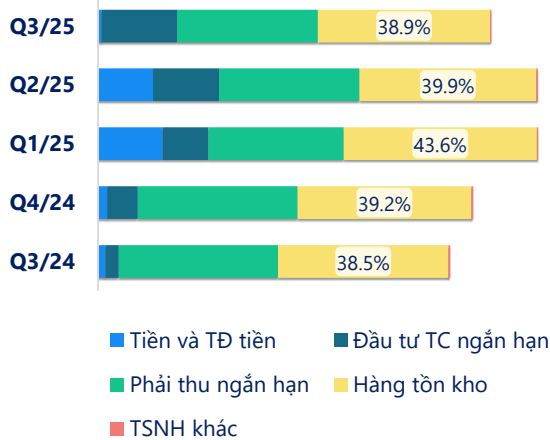
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



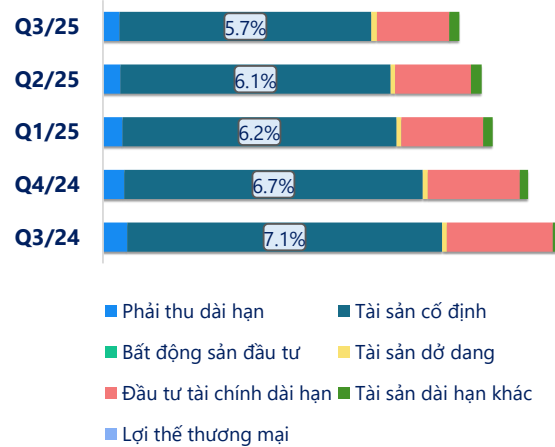
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

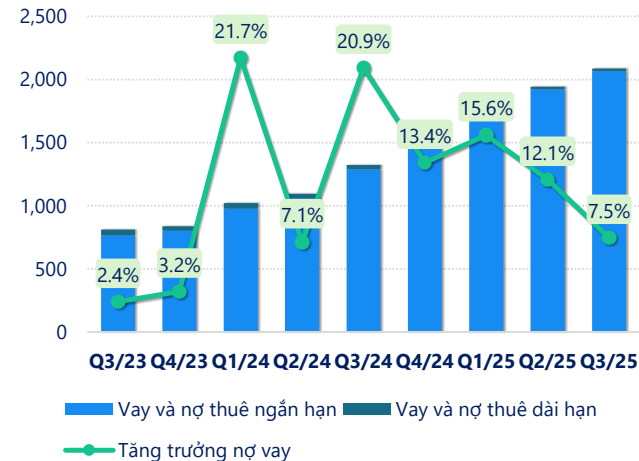
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

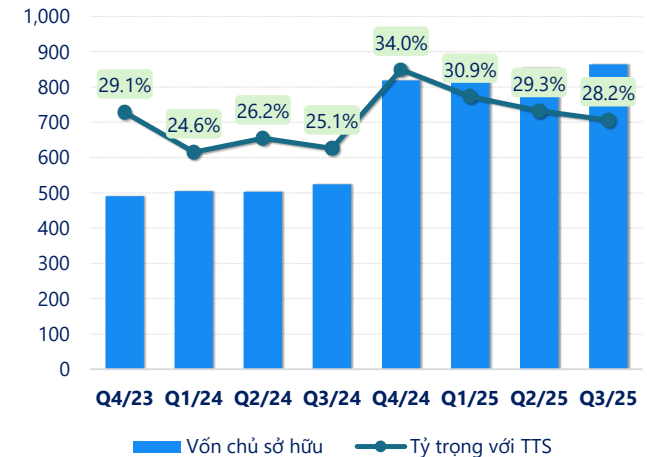
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

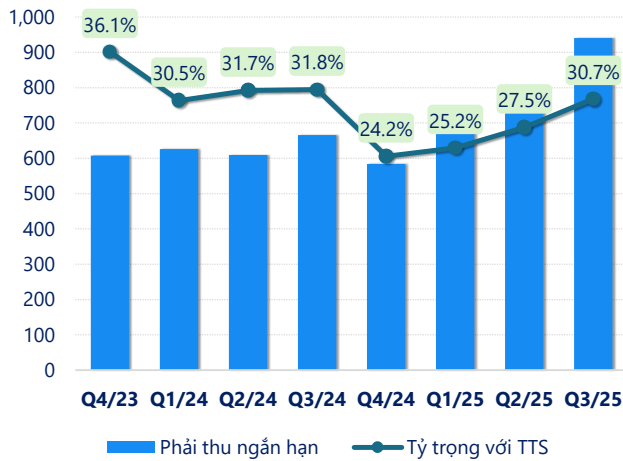
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



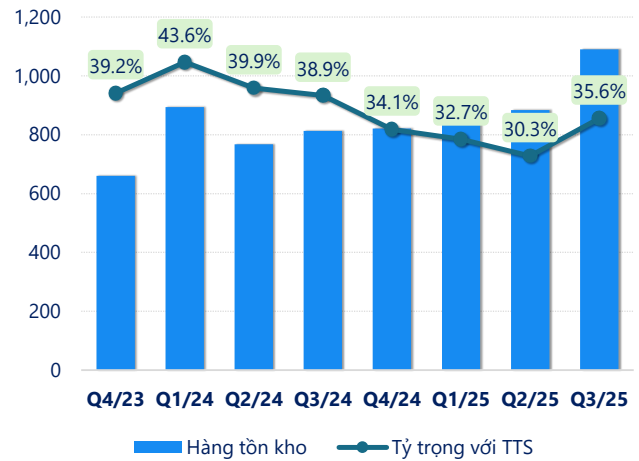
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


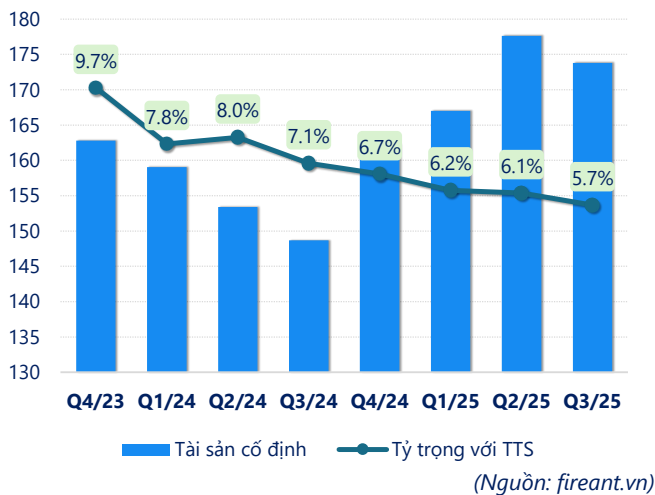
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


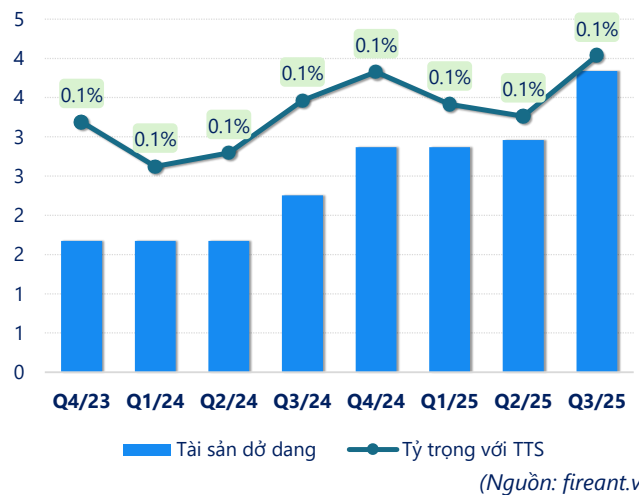
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

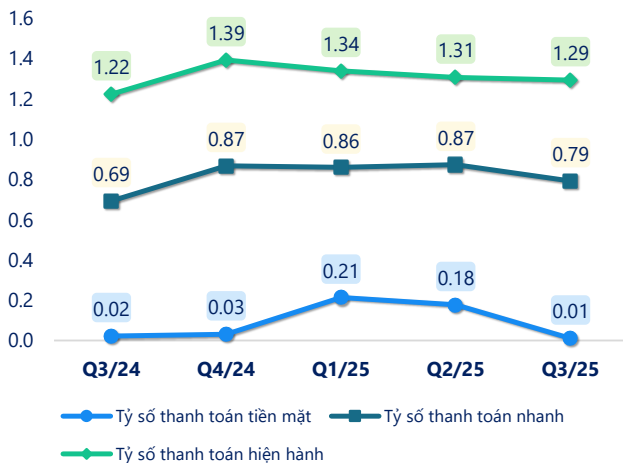
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

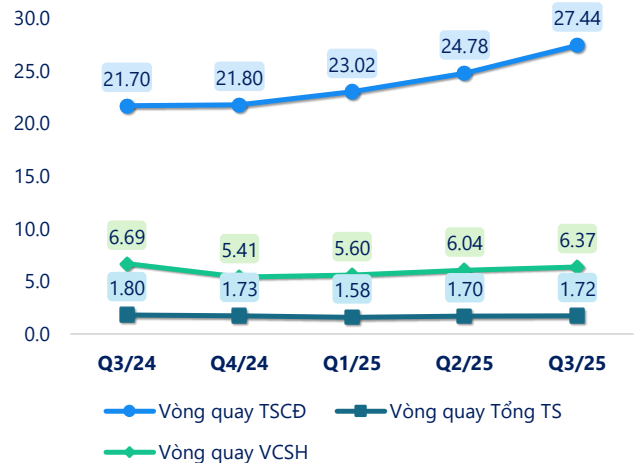
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,092	2,410	2,701	2,916	3,059
Tài sản ngắn hạn	1,876	2,178	2,463	2,666	2,813
Tiền và tương đương tiền	34.9	48.8	393	361	22.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	357	717	499	608	745
Phải thu ngắn hạn	665	584	680	802	941
Hàng tồn kho	813	822	883	884	1,090
Tài sản ngắn hạn khác	5.66	7.26	8.06	11.3	14.2
Tài sản dài hạn	216	231	238	249	246
Phải thu dài hạn	11.4	11.6	11.9	11.5	11.4
Tài sản cố định	149	162	167	178	174
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.25	2.87	2.87	2.96	3.84
Đầu tư tài chính dài hạn	50.0	50.0	50.0	50.0	50.0
Tài sản dài hạn khác	3.58	4.51	5.80	6.98	6.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,568	1,591	1,865	2,062	2,195
Nợ ngắn hạn	1,533	1,563	1,838	2,040	2,174
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,287	1,472	1,706	1,921	2,066
Phải trả người bán ngắn hạn	228	67.7	101	84.0	83.3
Nợ dài hạn	35.1	27.5	27.5	21.2	21.0
Vay và nợ thuê dài hạn	34.8	27.3	27.3	21.1	21.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	524	819	835	854	864
Vốn chủ sở hữu	524	819	835	854	864
Vốn điều lệ	482	762	762	762	762
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)